TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NĐ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-PT
Ngày 16 - 11 - 2022
V/v Ly hôn giữa chị H và anh Luân.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NĐ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu

Ông Nguyễn Tiến Dũng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Xuân Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ tham gia phiên toà*:**

Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh NĐ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2022/TLPT-HNGĐ ngày 10-10-2022 về tranh chấp ly hôn.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 337/2022/HNGĐ-ST ngày 09-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố NĐ, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2022/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; Địa chỉ đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số 15/7/66, LHP, phường HL, thành phố NĐ, tỉnh NĐ.

- *Bị đơn:* Anh Dương Văn L(tên gọi khác Dương Minh Luân), sinh năm 1975; Địa chỉ đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số 15/7/66, LHP, phường HL, thành phố NĐ, tỉnh NĐ.

- *Người kháng cáo*: Anh Dương Văn Llà bị đơn trong vụ án

Tại phiên toà phúc thẩm: Chị H, anh Lcó mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 25-7-2022, bản tự khai và tại các buổi làm việc của Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh Dương Văn Lkết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 02 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng Đông, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Lkhông chăm lo cho cuộc sống gia đình. Sau khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án chị có nói chuyện với anh Lnhưng anh Lkhông có quan điểm gì. Hiện tại chị và anh Lđã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị có nguyện vọng xin được ly hôn anh Dương Văn Luân.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Dương Minh PH, sinh năm 1998 và Dương PH Anh, sinh năm 2002. Các con chung hiện đã trưởng thành tự lập, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản: Chị Nguyễn Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố NĐ đã tiến hành tống đạt các thủ tục tố tụng đối với anh Dương Văn Ltheo quy định của pháp luật nhưng anh Lkhông đến Toà án làm việc lần nào, không có bản tự khai thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H để giao nộp cho Toà án.

* Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ tại địa pH xác nhận tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Lđã mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân, nay chị H xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án số 337/2022/HNGĐ-ST ngày 09-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố NĐ, tỉnh Nam Định quyết định. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Dương Văn L(Dương Minh Luân).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21-9-2022 anh Dương Văn Llà bị đơn trong vụ án có đơn kháng bản án với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hoà giải để vợ chồng đoàn tụ.

Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về quan hệ tình cảm, chị nghi ngờ anh Lkhông chung thuỷ, anh không chăm lo, quan tâm đến gia đình vợ con, anh Lkhông còn yêu tH chị H nữa nên ly hôn là giải pháp tốt nhất để giải phóng cho nhau, vợ chồng đã sống ly thân được khoảng 4 tháng. Anh Dương Văn Lvẫn giữ nguyên nội dung trong đơn kháng cáo, anh không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng về hoà thuận, anh không tham gia phiên toà sơ thẩm là do không nhận được giấy tờ thông báo của Toà án, anh vẫn quan tâm đến gia đình,

đi làm có kinh tế anh đưa hết về cho chị H giữ, vợ chồng đã sống ly thân được khoảng 3 tháng, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát tỉnh NĐ phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung của vụ án: Xét thấy mẫu thuẫn giữa chị H và anh Lđã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Luân, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên án sơ thẩm. Án phí giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của anh Dương Văn Llàm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Xét kháng cáo của anh Dương Văn Lvề việc anh không đồng ý ly hôn thấy rằng: Chị Nguyễn Thị H và anh Dương Văn Lkết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 02 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng Đông, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị H và anh Ltính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, anh Lkhông chăm lo cho cuộc sống gia đình. Hiện nay chị H và anh Lđã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Anh Lkhông muốn ly hôn nhưng anh cũng không có cách thức gì thuyết phục để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Lđã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị H để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định là có căn cứ.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Dương Văn Lkhông được chấp nhận nên anh Lphải nộp 300.000đ.

[4] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 147; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Dương Văn L(tên gọi khác Dương Minh Luân). Giữ nguyên án sơ thẩm.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Dương Văn L(Dương Minh Luân).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005426 ngày 27-7-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NĐ. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Dương Văn Lphải nộp 300.000 đồng nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005488 ngày 21-9-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NĐ, tỉnh NĐ. Anh Lđã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh NĐ;
- TAND thành phố NĐ;
- Chi cục THADS thành phố NĐ;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Văn Tùng

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu **Nguyễn Tiến Dũng** **Lại Văn Tùng**